

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19/01/2024 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 185/2023/TLST- DS ngày 08/11/2023.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 19/01/2024 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

I, Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức H**, sinh 1960;

Địa chỉ: Thôn TH, xã BH, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H: **Anh Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1993; địa chỉ: Số Z, đường CN, thôn TH, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: - **Ông Nguyễn Văn L**, sinh năm 1964;

- **Bà Nguyễn Thị M**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Thôn HG, xã PC, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

II, Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về số nợ gốc: Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Đức H và ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M xác nhận, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M còn nợ ông H số tiền 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*). Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M đồng ý trả 190.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi triệu đồng*) cho ông H.

2. Về số tiền lãi: Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M đồng ý trả số tiền lãi kể từ ngày 28/5/2011 đến ngày 19/01/2024 là: $9\%/năm \times 4619 \text{ ngày} \times 190.000.000 \text{ đồng} = 216.396.000 \text{ đồng}$ (*Hai trăm mười sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*). Xác nhận ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M đã trả cho ông Nguyễn Đức H 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). Ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thị M còn phải trả: 206.396.000 đồng (*Hai trăm linh sáu triệu, ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng*).

3. Về yêu cầu nợ lãi quá hạn, lãi quá hạn đối với phần lãi trong hạn bị quá hạn và chi phí đi lại đòi nợ trong 13 năm: Ghi nhận sự tự nguyện của người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Đức H xin rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 19.819.800 đồng (*Mười chín triệu, tám trăm mười chín nghìn, tám trăm đồng*). Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ nội dung vụ án trước khi mở phiên tòa nên phải chịu 50% án phí là 9.909.900 đồng (*Chín triệu, chín trăm linh chín nghìn, chín trăm đồng*).

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị M phải nộp toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật là: 9.909.900 đồng (*Chín triệu, chín trăm linh chín nghìn, chín trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì

phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND. huyện Sóc Sơn;*
- *Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;*
- *TAND. Thành phố Hà Nội;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Hồng